

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG QUYẾT THẮNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1437*/UBND-KTHT&ĐT
V/v công khai Quyết định phê duyệt
danh sách và kinh phí hỗ trợ thiệt hại
về sản xuất nông nghiệp do bão số 11
gây ra trên địa bàn phường (đợt 2)

Quyết Thắng, ngày *26* tháng *11* năm *2025*

Kính gửi: Các Tổ dân phố trên địa bàn phường Quyết Thắng

Căn cứ Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân, dân cư;

Căn cứ Văn bản số 3292/SNNMT-KHTC ngày 21/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh.

UBND phường công khai Quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp do bão số 11 gây ra (đợt 2), cụ thể như sau:

1. Hình thức công khai

- UBND phường niêm yết công khai tại Trụ sở Đảng ủy, HĐND&UBND phường, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Các Tổ dân phố niêm yết công khai tại Nhà văn hóa, trên các phương tiện thông tin đại chúng (nhóm zalo của tổ), trong các buổi họp...

2. Thời gian công khai: Từ ngày 25/11/2025 đến 25/12/2025.

(Có Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của UBND phường kèm theo)

UBND phường yêu cầu các Tổ dân phố nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có ý kiến thắc mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về UBND phường (qua phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) để được xem xét, giải quyết theo quy định. Sau khi hết thời gian công khai nêu trên, các ý kiến, kiến nghị sẽ không được tiếp nhận và giải quyết. /*xy*

Nơi nhận: *Am*

- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường;
- Như trên;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT *shuy*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

[Signature]
Nguyễn Đức Nhất

Số: 884/QĐ-UBND

Quyết Thắng, ngày 25 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp
do bão số 11 gây ra trên địa bàn phường Quyết Thắng (đợt 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 3292/SNNMT-KHTC ngày 21/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổ thẩm định đối tượng, diện tích, số lượng, mức độ thiệt hại và kinh phí hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng do bão số 11 gây ra trên địa bàn phường Quyết Thắng;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 509/TTr-KTHT&ĐT ngày 21/11/2025 về việc đề nghị phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp do bão số 11 gây ra trên địa bàn phường Quyết Thắng (đợt 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp do bão số 11 gây ra trên địa bàn phường Quyết Thắng (đợt 2) cho 10 hộ dân, tổng kinh phí hỗ trợ là: **22.821.000 đồng**. (Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng).

Cụ thể như sau:

1. Tổ dân phố Um có 10 hộ dân bị thiệt hại, số tiền hỗ trợ: 22.821.000 đồng.

(Có phụ biểu 01, 02, 03 kèm theo)

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng HĐND&UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan, Tổ trưởng các Tổ dân phố, các hộ dân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: *HN*

- Chi cục Thủy lợi và PCTT tỉnh;
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự phường;
- Như Điều 2;
- Lưu VT, KTHT&ĐT *Thuy*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Đức Nhất

Phụ biểu 01

**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ THIẾT HẠY VỀ NÔNG NGHIỆP DO BẢO
SỐ 11 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG**

(Kèm theo Quyết định số ~~384~~ /QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của UBND phường
Quyết Thắng)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tổ dân phố	Số hộ	Tổng kinh phí	Trong đó		
				Cây trồng	Vật nuôi	Thủy sản
1	TDP Um	10	22.821.000	22.821.000		
Tổng		10	22.821.000	22.821.000		

[Signature]

Phụ biểu 02
TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TỒ DÂN PHỐ CÓ HỘ DÂN BỊ THIẾT HẠI VỀ CÂY TRỒNG DO BÃO SỐ 11 GÂY RA
TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG
 (Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 25/11/2025 của UBND phường Quyết Thắng)

STT	Tổ dân phố	Tổng giá trị thiệt hại (đồng)	THIỆT HẠI TRÊN 70% DIỆN TÍCH				THIỆT HẠI TỪ 30% - 70% DIỆN TÍCH				Kinh phí hỗ trợ (đồng)									
			Diện tích lúa (ha)		Cây hằng năm khác		Cây trồng lâu năm		Diện tích lúa (ha)			Cây hằng năm khác		Cây trồng lâu năm						
			Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 2/3 đến 45 ngày)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết						
1	TDP Um	113.421.500			1,2051				0,5906					0,382						22.821.000
Tổng cộng		113.421.500			1,2051				0,5906					0,3822						22.821.000

22

Phụ biểu 03

QUYẾT ĐỊNH SỐ 88/QĐ-TTg

026669

[Signature]

		THIỆT HẠI TRÊN 70% DIỆN TÍCH		THIỆT HẠI TỪ 30% - 70% DIỆN TÍCH						THIỆT HẠI TỪ 30% - 70% DIỆN TÍCH				Kinh phí hỗ trợ (đồng)			
		Diện tích lúa (ha)		Cây hằng năm khác (ha)		Cây trồng lâu năm (ha)		Diện tích lúa (ha)		Cây hằng năm khác (ha)		Cây trồng lâu năm (ha)					
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày		Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày		Sau gieo trồng trên 45 ngày		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày		Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày		Sau gieo trồng trên 45 ngày					
TT	Họ và tên	Địa chỉ	Giai đoạn cây con (gieo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây trổ bông (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày		Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày		Sau gieo trồng trên 45 ngày		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại nhẹ	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại nặng	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại rất nặng
			Giai đoạn cây con (gieo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây trổ bông (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày		Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày		Sau gieo trồng trên 45 ngày				
			Giai đoạn cây con (gieo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây trổ bông (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày		Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày		Sau gieo trồng trên 45 ngày				
			Giai đoạn cây con (gieo) trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng		Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cây trổ bông (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày		Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày		Sau gieo trồng trên 45 ngày				
8	Nguyễn Trung Đức	TDP Um			0,0407												610.500
9	Nguyễn Xuân Đường	TDP Um		0,1701													1.701.000
10	Phạm Văn Cường	TDP Um											0,2742				1.371.000
	Tổng cộng			1,2051		0,5906							0,3822				22.821.000

2017

